Journal of educational equipment: Education management, Volume 1, Issue 312 (May 2024)
ISSN 1859 - 0810

Lý thuyết giáo dục tối ưu và công cuộc chuyển đổi số ở Đại học Việt Nam

Đinh Văn Đệ*; Phạm Hữu Lộc*; Lương Xuân Thịnh**; Nguyễn Thị Thu Hà **

**TS, **CN Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng*

Received: 18/4/2024; Accepted: 28/4/2024; Published: 6/5/2024

Abstract: *Developing optimal educational theory is the scientific thesis of the best education. There, the learner's attitudes, knowledge and skills are comprehensively developed based on their temperament and competence. Learners develop as expected of education, such as: Capable of thinking, quick awareness, active creativity, principled learning, planning, mastery of the situation and consistency, deep thinking, rich imagination. have self-awareness, high consciousness, are persistent, have many initiatives. On the basis of digital transformation in higher education in Vietnam, it contributes effectively to creating high-quality human resources, capable of international integration and meeting the requirements of education in the new era. Developing optimal educational theory is the development of the knowledge economy and the next development of socio-economic forms…*

Optimal educational theory is proposed to develop Vietnamese higher education asymptotically with modern education in the world.

Keywords: *Educational theory, optimal education, digital transformation, higher education, knowledge-based economy.*

1. Đặc vấn đề

Lý thuyết Giáo dục tối ưu (GDTU) là tập hợp của những phương thức, PP GD, KTĐG kết quả học tập (KQHT) tiến bộ nhất, được tiếp cận với mục tiêu khả dĩ đem đến sự phát triển toàn diện người học. Lý thuyết GDTU được xây dựng từ ý tưởng đến thiết kế và vận hành trong môi trường GD mới, hiện đại và luôn kế thừa với GDTT. GDTT là đòn bẫy để GDTU phát triển.

Chuyển đổi số (CĐS) trong GD là chuyển các hoạt động có ích của GD từ thế giới thực sang thế giới ảo ở trên môi trường không gian mạng. Ở đó, mọi người tiếp cận thông tin nhiều hơn, rút ngắn về khoảng cách, tiết kiệm thời gian, thu hẹp khoảng cách không gian. CĐS là xu thế tất yếu, hiển nhiên và diễn ra rất nhanh, đặc biệt trong bối cảnh của cuộc Cách mạng Công nghệ 4.0 (CMCN 4.0) hiện nay. CĐS trong GD là một quá trình mà ở đó, chúng ta trang bị cho GD hạ tầng công nghệ mới, trang thiết bị mới cho cả người học (SV), người trực tiếp giảng dạy (GV), cơ sở GD và cơ quan quản lý nhà nước. Song song với thiết bị phần cứng là các ứng dụng phần mềm, các nền tảng để toàn bộ mọi hoạt động GD và quản lý GD của các cấp diễn ra trên môi trường đó.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng của GD đại học ở Việt Nam

Ở GDTT, chương trình dạy học theo đường hướng hàn lâm kinh viện hay thường gọi GD "định hướng nội dung" đã được áp dụng phổ biến. Đặc điểm cơ bản của phương thức GD này là luôn quan tâm việc truyền đạt hệ thống tri thức khoa học đến người học theo chương trình giảng dạy đã được quy định. Nội dung tri thức được truyền đạt dựa vào các môn học thuộc các khoa học chuyên ngành tương ứng. Ở đó, người học được trang bị hệ thống tri thức khoa học khách quan khác nhau về nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, chương trình GD theo hàn lâm kinh viện chưa chú trọng một cách tường minh đến chủ thể người học cũng như đến khả năng ứng dụng tri thức khoa học đã học vào những tình huống thực tiễn cuộc sống [2].

Các hình thức KTĐG KQHT của SV theo đường hướng tiếp cận nội dung trong hoạt động dạy – học thiên về kiểu đánh giá giá trị tri thức, chủ yếu KTĐGkhả năng ghi nhớ, tái hiện tri thức của bài học cũ đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế trong việc nâng cao tính tích cực học tập và khả năng vận dụng tri thức linh hoạt, sáng tạo về thái độ, kiến thức và kỹ năng, kỹ xảo của SV trong các tình huống thực tế đa dạng.

2.2. Tính tất yếu của CĐS

Để thực hiện thành công nhiệm vụ CĐS trong GD, xác định CĐS là mục tiêu tối ưu là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ và khả thi. Lý do là cuộc cách mạng 4.0 là cơ hội của các đột phá, CMCN 4.0 đi

liền với việc phá huỷ các mô hình cũ nhưng là sự phá huỷ mang tính sáng tạo. Cuộc cách mạng này tạo ra cơ hội cho các nước đi sau, các nước nghèo, các nước đang phát triển như Việt Nam.

CĐS trong GD là tập trung vào hai vấn đề chính, đó là: CĐS trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá; phương thức giảng dạy và CĐS trong quản lý. CĐS trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá là số hóa học liệu (bài giảng điện tử, sách giáo khoa điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, …), phòng thí nghiệm ảo, thư viện số, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến…; CĐS trong dạy chuyển đổi toàn bộ cách thức, kỹ thuật quản lý lớp học, PP giảng dạy, tương tác với người học sang không gian số, khai thác CNTTđể tổ chức giảng dạy thành công. CĐS trong quản lý là số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các công nghệ 4.0 như: AI, blockchain, phân tích dữ liệu, … để quản lý, điều hành lãnh đạo, ra quyết định trong lãnh đạo, quản lý và điều hành [4].

CĐS trong GD không chỉ dừng lại ở việc dạy và học, mà phạm vi vô cùng rộng lớn mà quản lý GD đóng vai trò rất quan trọng, ở đó tất cả các hoạt động, quan hệ, thao tác, tương tác đang thực hiện sẽ được đặt trong nền tảng số để vận hành, thực hiện.

2.3. Lý thuyết GDTU

Lý thuyết GDTU **là tập hợp của những phương thức,** PP GD**ĐH** tiến bộ nhất, được tiếp cận với mục tiêu tốt nhất đem đến sự phát triển toàn diện người học. Tuy nhiên, sự tiệm cận với GDTU đối với mỗi quốc gia đều có đường hướng khác nhau phù hợp với xuất xứ, đối tượng, văn hóa, lịch sử của từng địa phương, vùng miền.

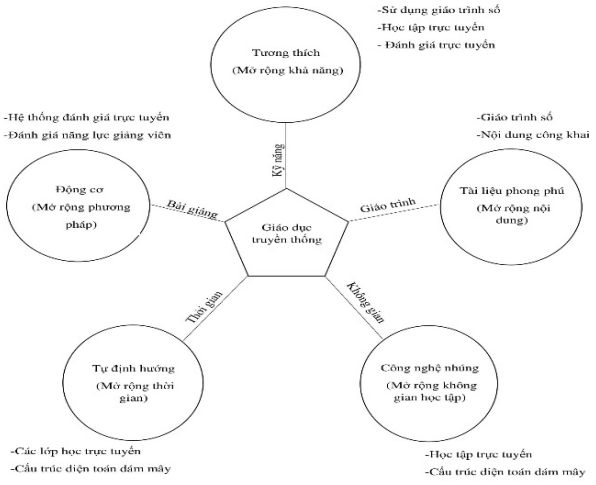

Hình 2.1: Mô hình giáo dục tối ưu

Chuyển đổi mô hình GDĐH truyền thống sang mô hình GDTU, các nhà GD và quản lý GD phải giải quyết ổn định bài toán GDTU tác động nhanh, đó là tối ưu về thời gian. Đảm bảo được sự ổn định và phát triển của GD đa mục tiêu

PPDH tối ưu sẽ rèn luyện người học tính làm chủ trong suy nghĩ, tư duy sáng tạo và hành động. Người dạy với vai trò định hướng, đưa ra ý kiến gợi mở, hướng dẫn tìm kiếm tài liệu, tổ chức và điều phối các buổi thảo luận, xây dựng nội dung tranh luận, phản biện cho người học và xuất hiện đúng lúc khi người học gặp khó khăn..

Lý thuyết GDTU được xây dựng từ ý tưởng đến thiết kế và vận hành trong môi trường GD mới, hiện đại và luôn luôn kế thừa với GDTT. GDTT là đòn bẫy để GDTU phát triển.

Trải nghiệm của người học trong đời sống thật mới là lời giải cho bài toán GD trối ưu. Thực tế cho thấy, người học đến với cơ sở GD ĐH từ nhiều vùng miền khác nhau, lứa tuổi đôi khi cũng lệch nhau, môi trường sống khác nhau, môi trường xã hội, bối cảnh vật chất khác nhau nên chắc chắn ý thức hệ cũng khác nhau.

Chương trình đào tạo (CTĐT) **đại học**, theo lý thuyết GDTU có thể khẳng định rằng nên xây dựng CTĐTchung quốc gia còn chương trình chi tiết do cơ sở GD quyết định sao cho phù hợp với chương trình khung quốc gia là đạt; có nghĩa là không thể áp đặt một chương trình quốc gia chi tiết chung cho tất cả người học của tất cả các địa phương, không thể áp dụng một hình thức PP sư phạm cho tất cả người học. Quy định cách tổng thể các mục tiêu GD được trình bày xúc tích, cô đọng trong chương trình khung đào tạo, còn việc thực hiện chương trình chi tiết để đạt được mục tiêu đó là việc của cơ sở GD, của nhà trường, việc của từng nhà giáo đứng lớp giảng dạy tạo nên [2].

Lý thuyết GDTU quyết tâm áp dụng nguyên tắc đưa nội dung chương trình, PP luận sư phạm và phương thức quản lý phải căn cứ vào từng lứa tuổi, từng vùng địa lý với môi trường văn hoá xã hội khác nhau, ngoài ra, còn đặc biệt quan tâm đến thể trạng, năng khiếu và khí chất của từng người học để tiến hành GDTU. Giải quyết thành công bài toán tối ưu đa mục tiêu này không ai khác chính là người thầy! một nghề nghiệp lao động sư phạm cao quý, được cả xã hội tôn trọng với trách nhiệm cao cả.

Nhà giáo là "Bách khoa sư phạm toàn thư", là

người am hiểu về tâm sinh lý lứa tuổi; là chuyên gia thần kinh học, nhà phân tâm học; là nhà tâm lý học giúp cho người học phát triển.

Để có 01 tiết/giờ lên lớp, nhà giáo dành nhiều thời gian, công sức và tâm huyết để viết nhiều kịch bản cho giờ dạy, thiết kế nhiều lần cho một bài dạy và viết nhiều giáo án cho cùng một lớp học. Nhà giáo căn cứ vào tâm sinh lý, vào khí chất và hệ thần kinh của người học để xây dựng bài giảng tối ưu. Như vậy, lý thuyết GDTU đã chứng minh rằng nhà giáo trong lý thuyết GDTU không những giỏi về nghiệp vụ sư phạm, tường minh về chuyên môn hóa mà còn thông thạo về các lĩnh vực tâm lý, vận trù học, thần kinh học, …Trong dạy – học, nhà giáo chính là tác giả của nội dung bài giảng, giảng dạy trong sự tương tác với người học.

Lý thuyết GDTU đề cao tính dân chủ vì dân chủ là một PP ra quyết định tập thể trong đó mọi thành viên đều có quyền ngang nhau khi tham gia ra quyết định; đó là đặc điểm mang tính thời đại. Dân chủ trong nhà trường khi thầy và trò cùng thiết kế, xây dựng nên mục tiêu của GD, của bài học, chương và môn học; mục tiêu này là sự thống nhất cao giữa tri thức và kinh nghiệm của thầy với sự hiểu, biết giới hạn thông qua trải nghiệm của người học; thầy trò tương tác và người học lĩnh hội được thành quả GD. Lý thuyết GDTU đề cao vai trò kiểm tra và đánh giá KQHTcủa người học. Là thước đo để người thầy khẳng định với xã hội, với thế giới việc làm rằng người học đã làm chủ được kiến thức, kỹ năng và thái độ tương xứng với bậc học.

2.4. Kết quả của lý thuyết GDTU trong qui hoạch thực nghiệm

Qua nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm trong GDĐH, lý thuyết GDTU đã qui hoạch thực nghiệm một số nội dung ưu việt sau

Lý thuyết GDTU là PPGD theo năng lực người học; khi đã hoàn tất một đơn vị học tập lý thuyết người học sẽ đạt được kết quả theo tiêu chuẩn Bloom và hoàn tất một đơn vị học tập thực hành người học sẽ đạt được kết quả theo tiêu chuẩn Harrow.

Lý thuyết GDTU là PP tiếp cận đa chiều đối với người học. Lý thuyết GDTU là PP GD mở không còn khép kín trong bốn bức tường của nhà trường; sự tương tác không giới hạn giữa thầy và trò mà phạm vi tương tác rộng lớn như tương tác với sách giáo khoa, tương tác với xã hội tạo thành hệ sinh thái.

Việc thiết kế bài KTĐG theo Lý thuyết GDTU, ngoài khả năng kiểm tra cho điểm. Bài kiểm tra theo thuyết GDTU có chức năng quan trọng là thông báo cho người học, người dạy và thế giới việc làm rằng SV đã làm chủ những năng lực cần thiết nà GV và người sử dụng lao động yêu cầu; đối với môn thực hành sự hình thành kỹ năng vượt qua sự mong đợi của các bên liên quan.

Xây dựng bài thi KTĐG KQHT của SV theo tiếp thuyết GDTU phân biệt được rõ ràng năng lực đạt được của SV trung bình với khá; khá với giỏi và giỏi với xuất sắc; Kết quả thi phản ánh đúng với KQHTcủa SV và đánh giá đúng năng lực thật sự của người học.

KTĐGKQHT theo thuyết GDTU hướng đến mục tiêu xa hơn, đó là nuôi dưỡng hứng thú cho người học và quan trọng hơn là tăng cường sự tự giác trong học tập. Điều này vô cùng quan trọng đóng góp vào sự thành công của SV trong tương lai. Đánh giá KQHTđối với các môn học và hoạt động GD trong quá trình học và sau các cấp học là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu/chuẩn đầu ra của dạy học, có vai trò quan trọng trong việc cải thiện KQHTcủa người học.

Theo tiêu chí đánh giá kiến thức: Kết quả thi cuối kỳ đã phân định cấp độ về kiến thức như: biết, hiểu, vận dụng, phân tích/tổng hợp, đánh giá và sáng tạo; Theo tiêu chí đánh giá kỹ năng: Kết quả thi cuối kỳ và bài tập thực hành đã phân định khả năng: bắt chước, làm được (kỹ năng cơ bản bước đầu), làm chính xác (kỹ năng thực hiện độc lập), làm biến hóa (kỷ xảo tổng hợp) và làm thuần thục và tự động hóa (kỹ xảo bậc cao); Theo tiêu chí đánh giá về thái độ: Kết quả thi cuối kỳ và bài tập thực hành đã nêu lên được thái độ học tập và thi cử của người học như: chấp nhận, đáp ứng, đánh giá, ý thức tổ chức, biểu thị tính cách.

Theo quan điểm dạy học theo định hướng phát triển thuyết GDTU cho người học, đánh giá KQHTkhông lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trọng tâm của đánh giá. Đánh giá KQHT theo năng lực là chú trọng vào khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau.

Đánh giá theo thuyết GDTU không hoàn toàn phải dựa vào chương trình GD môn học như đánh giá kiến thức, kỹ năng, bởi năng lực là tổng hòa của kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị, chuẩn mực đạo đức… được hình thành từ nhiều lĩnh vực học tập và từ sự phát triển tự nhiên về mặt xã hội của một con người.

(Xem tiếp trang 34)